

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **108** /UBND-NV  
Về việc giải quyết chế độ cho  
viên chức có nguyện vọng nghỉ  
theo Nghị quyết 02/NQ-HĐND

Định Hoá, ngày **29** tháng 01 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;  
- Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên; Hướng dẫn số 46/HD-BTCTU-SNV-STC-SLĐTBOXH ngày 31/7/2018 của Liên sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và xã hội về quy trình, hồ sơ, chính sách bảo hiểm xã hội và chế độ tài chính tổ chức thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thái Nguyên. UBND huyện Định Hóa đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ phê duyệt đối với viên chức như sau:

- Năm 2015: Tổng số biên chế viên chức sự nghiệp được giao: 1716, trong đó: Sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 1639, Sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao: 13, Sự nghiệp khác: 50, Trung tâm dạy nghề: 14; Hợp đồng 68: 01.

- Năm 2017: Tổng số biên chế viên chức sự nghiệp được giao: 1729, trong đó: Sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 1656, Sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao: 13, Sự nghiệp khác: 60; Hợp đồng 68: 01.

- Năm 2018: Tổng số biên chế viên chức sự nghiệp được giao: 1713, trong đó: Sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 1642, Sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao: 13, Sự nghiệp khác: 58; Hợp đồng 68: 10.

- Năm 2019: Tổng số biên chế viên chức sự nghiệp được giao: 1679, trong đó: Sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 1600, Sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao: 13, Sự nghiệp khác: 55; Hội đặc thù: 01; Hợp đồng 68: 10;

Số biên chế có mặt đến 28/02/2019: 1607 người, trong đó: Sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 1541, Sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao: 13, Sự nghiệp khác: 42; Hội đặc thù: 01; Hợp đồng 68: 10.

Tổng số viên chức thực hiện giảm 10% so với năm 2015 là 171 người.

Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa đã rà soát và tổng hợp đối tượng thuộc diện nghỉ công tác để giải quyết chế độ, chính sách theo Điều 2, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên, gồm 01 người:

Ông Lộc Đỗ Quý, sinh ngày 31/01/1983, dân tộc: Tày, Nhân viên Y tế trường THCS Trung Hội, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, hệ số lương: 2,26, thời gian tham gia công tác từ tháng 05/2014. Đến 28/02/2019 tổng thời gian tham gia đóng Bảo hiểm xã hội 4 năm 10 tháng.

- Thời gian đề nghị nghỉ: Từ ngày 01/03/2019.

*(Có hồ sơ và danh sách trích ngang kèm theo)*

UBND huyện Định Hóa báo cáo và đề nghị Sở Nội vụ xem xét, giải quyết đề UBND huyện Định Hóa tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, NV.



**Hoàng Văn Sơn**

**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ**  
**Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên thôi việc ngay theo nguyện vọng**  
(Kèm theo Công văn số 168/UBND-NV ngày 29 tháng 01 năm 2019 của UBND huyện Định Hóa)

| TT | Họ và tên  | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Trình độ đào tạo | Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm | Thời điểm nghỉ công tác để hưởng chế độ chính sách | Tiền lương tháng (Binh quân 5 năm cuối) |              |          |       |            |              |                        |                     |                             |                     |                                             | Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng) | Số năm đóng BHXH theo Sổ BHXH |                          | Tuổi khi giải quyết chính sách | Kinh phí thực hiện chính sách (1000 đồng) |                                                      |                                                                             | Ghi chú   |  |
|----|------------|---------------------|-----------|------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------|----------|-------|------------|--------------|------------------------|---------------------|-----------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |            |                     |           |                  |                                              |                                                    | Từ tháng/năm                            | Từ tháng/năm | Số tháng | Hệ số | PC Chức vụ | Phụ cấp TNVK | Phụ cấp thâm niên nghề | Hệ số chênh lệch BL | Mức lương cơ sở (1000 đồng) | Tổng số (1000 đồng) | Tiền lương tháng để tính hỗ trợ (1000 đồng) |                                         | Tổng số năm, tháng            | Tổng số sau khi làm tròn |                                | Tổng cộng                                 | Hỗ trợ 3 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm | Hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng BHXH (đủ 12 tháng) |           |  |
| 1  | 2          | 3                   | 4         | 5                | 6                                            | 7                                                  | 8                                       | 9            | 10       | 11    | 12         | 13           | 14                     | 15                  | 16                          | 17                  | 18                                          | 19                                      | 20                            | 21                       | 22                             | 23                                        | 24                                                   | 25                                                                          | 26        |  |
| 1  | Lộc Đỗ Quý | 31/01/1983          | Nam       | Trung cấp        | Y sĩ                                         | 01/03/2019                                         | 01/5/2014                               | 30/4/2016    | 24       | 1,581 |            |              |                        |                     | 1150                        | 43635,6             | 2247,39                                     | 3141,4                                  | 4                             | 10                       | 5                              | 35                                        | 26279,6                                              | 9424,2                                                                      | 16855,425 |  |
|    |            |                     |           |                  |                                              |                                                    | 01/5/2016                               | 31/10/2016   | 6        | 1,581 |            |              |                        |                     | 1210                        | 11478,1             |                                             |                                         |                               |                          |                                |                                           |                                                      |                                                                             |           |  |
|    |            |                     |           |                  |                                              |                                                    | 01/11/2016                              | 30/6/2017    | 8        | 2,060 |            |              |                        |                     | 1212                        | 19973,8             |                                             |                                         |                               |                          |                                |                                           |                                                      |                                                                             |           |  |
|    |            |                     |           |                  |                                              |                                                    | 01/7/2017                               | 30/6/2018    | 12       | 2,060 |            |              |                        |                     | 1300                        | 32136,0             |                                             |                                         |                               |                          |                                |                                           |                                                      |                                                                             |           |  |
|    |            |                     |           |                  |                                              |                                                    | 01/7/2018                               | 31/10/2018   | 4        | 2,060 |            |              |                        |                     | 1390                        | 11453,6             |                                             |                                         |                               |                          |                                |                                           |                                                      |                                                                             |           |  |
|    |            |                     |           |                  |                                              |                                                    | 01/11/2018                              | 28/02/2019   | 4        | 2,260 |            |              |                        |                     | 1390                        | 12565,6             |                                             |                                         |                               |                          |                                |                                           |                                                      |                                                                             |           |  |
|    |            |                     |           |                  |                                              |                                                    | Cộng                                    |              | 58       |       |            |              |                        |                     |                             | 131242,62           |                                             |                                         |                               |                          |                                |                                           |                                                      |                                                                             |           |  |